

Số: /TBHH-CHHĐTVN

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật vùng đón trả hoa tiêu, luồng hàng hải chuyên dùng,
vùng quay trở tàu, vùng nước trước cầu cảng số 1, 2 - Bến cảng Mỹ Thủy,
tỉnh Quảng Trị

Vùng biển : Quảng Trị

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của bộ xây dựng;

Xét đơn đề nghị số 199/MTIP- CV ngày 03/7/2026 của Công ty Cổ phần liên doanh Cảng quốc tế Mỹ Thủy, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thông báo thông số kỹ thuật vùng đón trả hoa tiêu, luồng tàu, vùng quay tàu, vùng nước trước cầu cảng Dự án ĐTXD Khu bến cảng Mỹ Thủy, tỉnh Quảng Trị như sau:

1. Vùng đón trả hoa tiêu

Trong phạm vi vùng đón trả hoa tiêu được giới hạn trong phạm vi nửa đường tròn có bán kính 1,3 hải lý, tâm tại điểm O1 và được giới hạn bởi dây cung AB. Tọa độ các điểm giới hạn như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
O1	16°51'10.9"	107°22'17.5"	16°51'07.2"	107°22'24.2"	Tâm vùng đón trả hoa tiêu

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
A	16°50'28.2"	107°23'25.7"	16°50'24.6"	107°23'32.3"	
B	16°51'53.5"	107°21'09.3"	16°51'49.9"	107°21'15.9"	

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước số “0” Hải đồ đạt: 13.2m (mười ba mét hai).

2. Luồng hàng hải chuyên dùng

2.1. Tọa độ các điểm giới hạn tìm tuyến luồng

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84		Ghi chú
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	
C0	16°50'06.2"	107°21'31.7"	16°50'02.5"	107°21'38.3"	Vị trí đầu luồng
C1	16°49'11.0"	107°20'52.6"	16°49'07.4"	107°20'59.2"	
C2	16°48'30.4"	107°20'23.8"	16°48'26.8"	107°20'30.4"	Bán kính cong 1650m
C3	16°47'50.3"	107°20'15.1"	16°47'46.6"	107°20'21.7"	
C3'	16°47'15.3"	107°20'21.9"	16°47'11.7"	107°20'28.5"	
C4'	16°46'59.5"	107°20'26.1"	16°46'55.8"	107°20'32.7"	
C5	16°46'40.0"	107°20'28.9"	16°46'36.4"	107°20'35.5"	
O'	16°46'30.6"	107°20'29.9"	16°46'27.0"	107°20'36.5"	Tâm vùng quay tàu

2.2. Độ sâu

a) Đoạn luồng phía ngoài từ phao số 0 đến thượng lưu cặp phao số 7,8 khoảng 800m:

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải rộng 170m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước số “0” Hải đồ đạt: 13.2m (mười ba mét hai).

b) Đoạn luồng phía trong: Trong phạm luồng tàu được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
BT3'	16°46'59.7"	107°20'27.9"	16°46'56.0"	107°20'34.5"
BT4	16°46'36.1"	107°20'31.7"	16°46'32.4"	107°20'38.3"
BT5	16°46'31.4"	107°20'34.0"	16°46'27.8"	107°20'40.6"
BP6	16°47'14.8"	107°20'19.1"	16°47'11.2"	107°20'25.7"
BP7	16°46'59.2"	107°20'24.2"	16°46'55.6"	107°20'30.8"
BP8	16°46'39.8"	107°20'27.0"	16°46'36.1"	107°20'33.7"
BP9	16°46'35.5"	107°20'27.4"	16°46'31.8"	107°20'34.0"
BP10	16°46'30.9"	107°20'26.1"	16°46'27.2"	107°20'32.7"
BP11	16°46'22.3"	107°20'26.9"	16°46'18.7"	107°20'33.6"
N1'	16°46'31.4"	107°20'34.0"	16°46'27.8"	107°20'40.6"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước số “0” Hải đồ đạt: 6.0m (sáu mét không).

3. Vùng quay trở tàu

Trong phạm vi vùng quay tàu được giới hạn bởi đường tròn có đường kính 220m, tâm vùng quay tàu có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
O'	16°46'30.6"	107°20'29.9"	16°46'27.0"	107°20'36.5"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước số “0” Hải đồ đạt: 6.0m (sáu mét không).

4. Vùng nước trước cầu cảng số 1, 2 – Bến cảng Mỹ Thủy

Trong phạm vi vùng nước trước cầu cảng số 1, 2 - Bến cảng Mỹ Thủy, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
T1	16°46'29.1"	107°20'34.3"	16°46'25.5"	107°20'41.0"
N1'	16°46'31.4"	107°20'34.0"	16°46'27.8"	107°20'40.6"
N2'	16°46'16.8"	107°20'22.6"	16°46'13.2"	107°20'29.3"
T2'	16°46'15.9"	107°20'24.0"	16°46'12.2"	107°20'30.6"

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200kHz tính đến mực nước số “0” Hải đồ đạt: 7.8m (bảy mét tám)

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện thủy khi ra, vào neo đậu tại các vùng nước nêu trên tuân thủ theo sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị.

Ghi chú: Truy cập nội dung công bố thông báo hàng hải tại địa chỉ:
<https://www.vimawa.gov.vn/vi/thong-bao-hang-hai>

Nơi nhận:

- Cục trưởng (để b/c);
- Các Cảng vụ hàng hải (thông báo trên website);
- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam (thông báo trên website);
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam (thông báo trên đài thông tin duyên hải);
- Trung tâm PHTKCN hàng hải khu vực II;
- Công ty Cổ phần liên doanh Cảng quốc tế Mỹ Thủy (3b);
- Website Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- Lưu: VT, KCHT_(Q).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Đình Việt